

Số: 13/2019/QĐ-PT

Sóc Trăng, ngày 11 tháng 12 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
HỦY BẢN ÁN SƠ THẨM VÀ
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Tố Hương.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST, ngày 27-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo như sau:

Ngày 10-10-2019, bà LQ7 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của bà, tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất có diện tích 3.826m², thửa số 30, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng, được giao dịch giữa bà với bà P là vô hiệu, buộc ông M là người trực tiếp sử dụng đất giao trả lại đất cho bà, bà đồng ý trả cho những người thừa kế của bà P giá trị tiền cổ đất là 300.000đồng.

XÉT THẤY:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn là ông M; Bị đơn là ông N có đơn phản tố; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà LQ7 có đơn khởi kiện yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là ông M rút toàn bộ đơn khởi kiện, bị đơn là ông N rút toàn bộ đơn phản tố, bản án sơ thẩm đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông M và yêu cầu phản tố của bị đơn ông N. Do vậy, về tư cách tham gia tố tụng thì bà LQ7 trở thành nguyên đơn, ông M trở thành bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà LQ7 có đơn xin rút toàn bộ đơn kháng cáo và đơn xin rút toàn bộ đơn khởi kiện.

Ông M đồng ý việc rút đơn khởi kiện của bà LQ7.

Việc rút đơn khởi kiện của bà LQ7 và việc ông M đồng ý việc rút đơn khởi kiện của bà LQ7 là hoàn toàn tự nguyện, không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người khác.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 311 của Bộ luật tố tụng dân sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2019/DS-ST, ngày 27-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 156/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 11 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp thừa kế và hợp cam cố quyền sử dụng đất*”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông M. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông N. Địa chỉ: Ấp C2, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà LQ1. Địa chỉ: Ấp C2, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà LQ1: Ông N. Địa chỉ: Ấp C2, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền ngày 01-11-2018)

2. Bà LQ2. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông LQ3. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông LQ4. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông LQ5. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà LQ6. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bà LQ7. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà LQ7: Ông Nguyễn Khánh Trang. Địa chỉ: Ấp C3, xã B2, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng. (theo văn bản ủy quyền ngày 22-11-2019)

8. Bà LQ8. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

9. Ông LQ9. Địa chỉ: Ấp C1, xã B1, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

10. Ông LQ10. Địa chỉ: Ấp C2, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

11. Ông LQ11. Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà LQ7 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

2.2. Hoàn trả cho ông M tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.962.200đồng (*Hai mươi triệu chín trăm sáu mươi hai nghìn hai trăm đồng*) theo Biên lai thu số 0003277 ngày 03-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

2.3. Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 27.900.838đồng (*Hai mươi bảy triệu chín trăm nghìn tám trăm ba mươi tám đồng*), theo các Biên lai thu số 0003322 ngày 12-9-2018, số 0003339 ngày 27-9-2018 và số 0003449 ngày 31-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí thẩm định, định giá: 42.200.000đồng (*Bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng*).

3.1. Ông M phải chịu 27.800.000đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng), ông M đã nộp đủ.

3.2. Ông N phải chịu 15.700.000đồng, ông N được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp 21.500.000đồng theo phiếu thu của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng các ngày 26-9-2018 và 12-02-2019. Hoàn trả ông N số tiền còn thừa là 5.800.000đồng (Năm triệu tám trăm nghìn đồng), ông N liên hệ đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng để được nhận lại số tiền này.

3.3 Bà LQ7 phải chịu 2.900.000đồng, bà LQ7 được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp 5.000.000đồng theo phiếu thu của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng ngày 09-7-2019. Hoàn trả bà LQ7 số tiền còn thừa là 2.100.000đồng (Hai triệu một trăm nghìn đồng), bà LQ7 liên hệ đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng để được nhận lại số tiền này.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà LQ7 là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Tố Hương